

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/02/2021.

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Văn Hải.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Chung.**

Bà **Lê Thị Hoa.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2021 Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 602/2020/HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 giữa:

\* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 3, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị đơn:* Ông Hoàng Ngọc Đ, sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn 3, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* ***Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*** Bà và ông Đ đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2001 tại UBND xã N, được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 cấp ngày 13/10/2001. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do ông Đ thường ăn nhậu và về nhà chửi bới xúc phạm bà nhiều lần nên không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không sống chung hơn 02 năm. Bà không còn tình cảm với ông Đ, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm: 2001 và Hoàng Anh T, sinh ngày: 20/01/2008. Cháu D đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, cháu T đang sống cùng ông Đ nên bà yêu cầu ông Đ nuôi cháu T, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Hoàng Ngọc Đ, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Đ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông Đ và không tiến hành hòa giải được vụ án.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Tại phiên tòa, ông Hoàng Ngọc Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

**- Về nội dung vụ án:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và cho bà L được ly hôn với ông Hoàng Ngọc Đ.

+ Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 con chung tên Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm: 2001 và Hoàng Anh T, sinh ngày: 20/01/2008. Hiện nay cháu T đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Bà L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Hoàng Ngọc Đ vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Ngọc Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Hoàng Ngọc Đ tự nguyện kết hôn và được UBND xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, cấp ngày 13/10/2001 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2018 do ông Đ thường ăn nhậu và về nhà chửi bới xúc phạm bà nhiều lần nên không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không sống chung hơn 02 năm. Bà không còn tình cảm với ông Đ.

Xét thấy giữa bà L và ông Đ đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về con chung*: Bà L và ông Đ có 02 con chung tên Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm: 2001 và Hoàng Anh T, sinh ngày: 20/01/2008. Hiện nay cháu T đang được ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu T còn nhỏ cần được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, toàn diện và ổn định để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.3. *Về tài sản chung*: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

3.4 *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3.5 *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Hoàng Ngọc Đ.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày: 20/01/2008 cho ông Hoàng Ngọc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu nên không xem xét.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009893 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
  - TAND tỉnh Khánh Hòa;
  - VKSND thị xã N;
  - UBND xã N
- (GCNKH ngày 13/10/2001);
- Chi cục THADS thị xã N;
  - Lưu HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Hải**